

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TCN23B
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên		Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Kỹ năng mềm(2)	Giải phẫu sinh lý vật nuôi(3)	Dược lý thú y(3)	Giống và kỹ thuật truyền giống(3)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2356201203552	Đỗ Duy	Anh	11/03/2008	8.3	6.8	8.7	6.5	6.5	9.0	5.6	6.1	6.9	Trung bình
02	2356201203553	Nguyễn Thị Bích	Chi	13/11/2008	9.2	7.0	8.6	7.0	5.7	7.9	7.5	7.3	7.2	Khá
03	2356201203554	Đoàn Vũ Hương	Giang	18/11/2008	9.5	8.4	8.9	7.3	6.3	8.8	6.9	7.9	7.5	Khá
04	2356201203555	Huỳnh Minh	Khang	16/04/2008	9.2	8.5	8.2	6.1	3.6	6.9	6.3	6.1	5.9	Trung bình
05	2356201203556	Nguyễn Phúc	Khang	04/05/2008	6.9	7.8	3.2	5.6	3.7	5.3	4.8	7.6	5.1	Trung bình
06	2356201203557	Đặng Bùi Ngọc	Kiều	04/04/2008	8.4	8.2	8.8	5.7	5.0	7.7	6.7	6.8	6.6	Trung bình
07	2356201203558	Nguyễn Lê Huỳnh An	Kỳ	15/05/2008	9.2	8.2	8.9	8.4	7.0	9.0	8.9	8.3	8.4	Giỏi
08	2356201203559	Lê Thị Thanh	Nga	25/04/2008	8.6	8.5	9.2	8.3	7.4	8.9	8.5	8.7	8.4	Giỏi
09	2356201203560	Đinh Nguyễn Ngọc Trú	Ngân	20/04/1990	10.0	8.3	8.2	8.0	8.8	9.2	7.9	7.9	8.4	Giỏi
10	2356201203561	Trần Phát	Sang	16/11/2004	9.8	8.6	8.3	6.7	8.5	8.8	6.2	7.7	7.7	Khá
11	2356201203562	Nguyễn Tô Thị Trúc	Thanh	07/09/2008	6.6	7.8	6.8	7.7	6.9	9.2	6.5	6.7	7.4	Khá
12	2356201203563	Ngô Chí	Thắng	21/05/2008	9.1	7.3	8.6	5.9	5.7	6.1	6.4	6.4	6.3	Trung bình
13	2356201203564	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	10/10/2008	8.8	7.2	8.9	5.8	6.5	8.1	7.8	6.1	7.1	Khá
14	2356201203565	Lê Ngọc Bảo	Trân	07/07/2008	8.4	8.2	8.5	8.6	5.9	9.4	7.9	8.3	8.0	Giỏi
15	2356201203566	Bùi Thanh	Tuấn	11/12/2005	9.8	9.4	9.0	8.0	7.0	8.8	8.2	9.0	8.2	Giỏi
16	2356201203567	Lý Tuấn	Vĩ	19/09/2008	9.2	2.7	3.1	3.0	5.7	2.9	2.6	2.8	3.5	Yếu
17	2356201203568	Trịnh Thị Phi	Yến	06/01/2008	8.2	7.6	7.3	5.8	5.7	6.2	4.4	6.1	5.7	Trung bình

Lưu ý: Môn học **Giáo dục QP - AN** và **Giáo dục thể chất** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 02 tháng 02 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái